

THIẾT KẾ KHUNG ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG ĐÃ HỌC CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC TRONG DẠY HỌC TÍCH HỢP

Hoàng Thị Ngà⁺,
Phạm Thị Ánh Hồng

Trường Đại học Hải Phòng
+ Tác giả liên hệ • Email: ngaht85@dhhp.edu.vn

Article history

Received: 12/11/2024

Accepted: 01/12/2024

Published: 05/01/2025

Keywords

Assessment framework, competencies, knowledge application, integrated teaching, primary school students

ABSTRACT

Integrated teaching highlights the natural connection in the knowledge content of different subjects, at the same time creating a connection between scientific knowledge taught in school and real life; helping students to mobilize knowledge and skills from multiple fields to solve problems, thereby developing necessary capacities, including the capacity to apply learnt knowledge and skills. This study proposes a framework for assessing the competency to apply knowledge and skills learned by primary school students in integrated teaching (including components, behavioral indicators, and quality criteria). The proposed assessment framework is drawn on qualitative research through document analysis and synthesis. Subsequently, a survey was conducted to seek expert opinions. The collected data is processed using IBM SPSS 26.0 and Microsoft Excel software, then the assessment framework is accomplished with manual instructions in the teaching process in general and integrated teaching in particular.

1. Mở đầu

Theo Brandsford và cộng sự (2000), việc vận dụng kiến thức, kỹ năng (VDKT, KN) đã học sẽ giúp HS mở rộng vốn hiểu biết và vận dụng được kiến thức trong nhiều tình huống khác nhau. HS sẽ chuyển từ nhận thức một thông tin sang mức độ hiểu và tiến hành giải quyết được tình huống mới khi nảy sinh. Do đó, năng lực VDKT, KN là một trong những năng lực cần hình thành và phát triển cho HS, góp phần đem lại cơ hội cho các em được trải nghiệm thực tế, kích thích khả năng tư duy sáng tạo và kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề ở nhiều góc độ khác nhau một cách chủ động, linh hoạt. Các chủ đề dạy học tích hợp (DHTH) tạo sự kết nối giữa kiến thức, kỹ năng đã học với thực tiễn cuộc sống; sự tổng hợp tri thức, phương pháp của nhiều môn học, là môi trường thuận lợi cho sự phát triển của năng lực này. Theo Roegiers (1996), bản chất của dạy học phát triển năng lực người học đòi hỏi GV phải đưa ra được mục tiêu dạy học rõ ràng để xác định các năng lực cần hình thành, từ đó xây dựng yêu cầu cần đạt cho từng năng lực và đề xuất phương pháp sư phạm cũng như cách thức đánh giá kết quả lĩnh hội của HS. Đánh giá là một trong những yếu tố của quá trình dạy học, có mối quan hệ biện chứng với các nội dung khác. Sự thay đổi của nội dung chương trình và cách thức dạy học sẽ kéo theo sự thay đổi về cách thức đánh giá và ngược lại, kết quả đánh giá sẽ góp phần điều chỉnh nội dung, cách thức dạy học sao cho phù hợp. Theo Nguyễn Thị Lan Phương và cộng sự (2016), đối với dạy học tiếp cận năng lực, để phát triển năng lực cho người học, cần đánh giá để xác định vùng phát triển hiện tại và vùng phát triển gần, sau đó đánh giá sự phát triển năng lực của HS. Do vậy, khi đánh giá năng lực của HS nói chung và năng lực VDKT, KN đã học trong DHTH nói riêng, cần nghiên cứu đưa ra khung đánh giá năng lực làm cơ sở cho quá trình đánh giá.

Đã có một số nghiên cứu về DHTH và phát triển năng lực VDKT, KN đã học cho người học như: Roegiers (1996), Đỗ Hương Trà và cộng sự (2015), Nguyễn Thị Lan Phương và cộng sự (2016), Trần Thị Thanh Thủy và cộng sự (2016), Phạm Thị Hồng Tú và Hà Thanh Hương (2021), Hoàng Thị Ngà và cộng sự (2024),...; tuy nhiên, chúng tôi chưa tìm thấy các nghiên cứu làm rõ về cấu trúc, chỉ số hành vi và tiêu chí của năng lực VDKT, KN đã học. Trong bài báo này, chúng tôi sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để phân tích các tài liệu về DHTH, dạy học phát triển năng lực VDKT, KN đã học và đánh giá năng lực làm cơ sở lý thuyết đề xuất khung đánh giá năng lực VDKT, KN của HS tiểu học trong DHTH; xây dựng bảng hỏi để lấy ý kiến của 88 chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục (gồm giảng viên giảng dạy ngành Giáo dục tiểu học của các cơ sở đào tạo đại học, CBQL và GV có thâm niên công tác lớn hơn 10 năm ở các trường tiểu học trong nước). Dữ liệu thu thập sẽ được xử lý bằng phần mềm IBM SPSS 26 và Microsoft Excel để tính toán các thông số có liên quan tới đối tượng nghiên cứu: điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC); kiểm định độ giá trị của thang đo nhằm đảm bảo độ tin cậy của các đề xuất, khẳng định tính khả thi của kết quả nghiên cứu trong thực tiễn. Bên cạnh đó, phỏng vấn sâu

được thực hiện với một số chuyên gia về tính phù hợp và độ tin cậy của cấu trúc, chỉ số hành vi và tiêu chí chất lượng năng lực VDKT, KN đã học của HS tiểu học trong DHTH; từ đó là cơ sở để chỉnh sửa, hoàn thiện khung đánh giá.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. “Dạy học tích hợp” và “năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học”

- *DHTH*: DHTH là định hướng dạy học giúp HS phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và cuộc sống, được thực hiện ngay trong quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng (Bộ GD-ĐT, 2018a). Trong dạy học, tích hợp là lồng ghép các nội dung kiến thức có liên quan của một môn học hoặc các môn học khác nhau trong một chủ đề; do đó, DHTH có nhiều mức độ: tích hợp nội môn, tích hợp đa môn (lồng ghép, liên hệ), tích hợp liên môn và tích hợp xuyên môn (Đỗ Hương Trà và cộng sự, 2015).

- *Năng lực VDKT, KN đã học*: “Năng lực VDKT, KN đã học” là khả năng huy động và vận dụng những kiến thức, kỹ năng được hình thành trong quá trình học tập hoặc thông qua trải nghiệm thực tế nhằm khám phá và giải quyết tình huống có vấn đề (Hoàng Thị Ngà và cộng sự, 2024). Tình huống có thể được xây dựng trong một bối cảnh thực có tính tương tự, hoặc là một nhiệm vụ mới phát sinh trong thực tiễn. Từ đó, HS thể hiện được các yếu tố tâm lý đáp ứng nhu cầu tìm tòi, phát hiện vấn đề; đánh giá được tính khả thi của vấn đề khi vận dụng để có những phương án điều chỉnh phù hợp, hoặc rút ra bài học cho bản thân.

Năng lực VDKT, KN đã học là một trong ba thành phần năng lực của năng lực khoa học, cần phát triển cho HS trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học (Bộ GD-ĐT, 2018b). Cũng theo Bộ GD-ĐT (2018b), năng lực VDKT, KN đã học của HS tiểu học gồm các biểu hiện sau: (1) Giải thích được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội ở xung quanh; (2) Phân tích được tình huống liên quan đến vấn đề an toàn, sức khỏe của bản thân, của người khác và môi trường sống xung quanh; (3) Giải quyết được vấn đề, đưa ra cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản); trao đổi, chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện; nhận xét được cách ứng xử ứng với mỗi tình huống.

2.1.2. Cấu trúc của năng lực

Mỗi đơn vị năng lực có 4 thành phần chính: - *Hợp phần năng lực* (Components of Competency): Là lĩnh vực chuyên môn/nghề nghiệp để mô tả năng lực tiềm ẩn. Mỗi hợp phần sẽ mô tả một hoặc nhiều hoạt động cụ thể, điều kiện hoạt động cùng các bằng chứng cho thấy hoạt động đó được thực hiện như thế nào; - *Thành tố năng lực* (Elements of Competency): Là các kỹ năng cơ bản, kết hợp với nhau tạo nên mỗi hợp phần, thường được bắt đầu bằng một động từ mô tả rõ ràng giá trị của hoạt động; - *Chỉ số hành vi* (Behavioral Indicator): Thể hiện mỗi kỹ năng/thành tố năng lực được thực hiện như thế nào (nói, viết, làm và tạo ra); - *Tiêu chí chất lượng* (Quality/Performance Criteria): Chỉ rõ yêu cầu cần thực hiện của mỗi chỉ số hành vi. Các tiêu chí thường mô tả kết quả các hành động được tiến hành, thao tác được thực hiện, chỉ số cần đạt,... để có thể suy ra mức độ thành thạo của một năng lực nhất định (Nguyễn Thị Lan Phương và cộng sự, 2016). Việc thiết lập thang đo mới cần đưa ra được các tiêu chí chất lượng cho một chỉ số hành vi, giúp việc khái quát hóa thành các mức độ phát triển cho từng kỹ năng thành phần và năng lực tổng thể (đường phát triển năng lực) (Nguyễn Thị Lan Phương và cộng sự, 2016).

Do đó, khi thiết kế khung đánh giá năng lực VDKT, KN đã học của HS tiểu học trong DHTH, chúng tôi sẽ tập trung xác định các thành tố của năng lực VDKT, KN đã học; chỉ số hành vi và tiêu chí chất lượng của mỗi chỉ số hành vi theo các mức độ khác nhau.

2.2. Quy trình thiết kế khung năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học của học sinh tiểu học trong dạy học tích hợp

Tham khảo nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan Phương và cộng sự (2016), Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT (2020), chúng tôi thiết kế khung đánh giá năng lực VDKT, KN đã học của HS trong DHTH theo quy trình gồm các bước sau:

- *Bước 1*: Nghiên cứu, xác định cơ sở khoa học cho việc thiết kế khung đánh giá năng lực VDKT, KN đã học. Các tài liệu được tham khảo là Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các nghiên cứu đánh giá năng lực và năng lực VDKT, KN đã học của HS, các Thông tư hướng dẫn thực hiện chương trình.

- *Bước 2*: Xác định các hợp phần, thành tố của năng lực VDKT, KN đã học. Dựa trên cơ sở khoa học, chúng tôi tiến hành đưa ra các hợp phần và thành tố của năng lực VDKT, KN đã học. Các hợp phần, thành tố năng lực được xem xét như là các yếu tố cấu thành nên năng lực.

- *Bước 3*: Thiết lập các chỉ số hành vi và tiêu chí chất lượng của năng lực VDKT, KN đã học. Các chỉ số hành vi mô tả hoạt động của HS thực hiện khi thành tố năng lực diễn ra được cụ thể hóa bằng các động từ như: nói, viết, làm,

tạo ra,...; đáp ứng một số yêu cầu sau: (1) Có thể quan sát và đo lường được bằng các dạng như: điểm số bài kiểm tra, thành tích học tập môn học, thái độ học tập và làm việc, động lực, nguyện vọng, sở thích, chiến lược học tập, mức độ thực hiện hành vi,...; (2) Phải rõ ràng, cô đọng, dễ hiểu; (3) Không chứa các thuật ngữ chuyên ngành, từ viết tắt, hoặc bằng ngôn ngữ khó hiểu; (4) Được viết bằng ngôn ngữ tích cực; (5) Tránh sử dụng các thuật ngữ so sánh tần suất như “rất tệ”, “tuyệt vời”, “thường đạt”,... Các tiêu chí chất lượng của mỗi chỉ số hành vi cần phân biệt các mức độ khác nhau của mỗi hành động, thao tác thực hiện.

- *Bước 4:* Xin ý kiến chuyên gia. Xây dựng bảng hỏi xin ý kiến, phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục về cấu trúc và định hướng phát triển năng lực VDKT, KN đã học trong DHTH, được thiết kế trong khung đánh giá. Các chuyên gia được lựa chọn xin ý kiến bao gồm giảng viên giảng dạy ngành Giáo dục tiểu học của các cơ sở đào tạo đại học; CBQL và GV có thâm niên công tác hơn 10 năm ở các trường tiểu học trong nước.

- *Bước 5:* Chính sửa và hoàn thiện khung đánh giá năng lực VDKT, KN đã học của HS trong DHTH. Sau quá trình khảo sát, xin ý kiến chuyên gia, chúng tôi tiến hành điều chỉnh và bổ sung hoàn thiện khung đánh giá.

2.3. Kết quả lấy ý kiến chuyên gia về khung đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học của học sinh tiểu học trong dạy học tích hợp

Dựa trên quan niệm về DHTH, năng lực VDKT, KN đã học như đã trình bày ở trên, việc phân chia các biểu hiện của năng lực VDKT, KN đã học của Bộ GD-ĐT (2018b), quan niệm và yêu cầu về việc đánh giá năng lực người học của Nguyễn Thị Lan Phương và cộng sự (2016), khung đánh giá năng lực VDKT, KN đã học của HS tiểu học trong DHTH được đề xuất gồm 4 thành tố và 13 chỉ số hành vi tương ứng, các tiêu chí chất lượng của mỗi chỉ số hành vi phân thành 3 mức độ: Chưa đạt, Đạt, Tốt. Để kiểm tra độ tin cậy của các đề xuất, đảm bảo tính khả thi của kết quả nghiên cứu trong thực tiễn giáo dục hiện nay, chúng tôi tiến hành xin ý kiến của 6 giảng viên tại các cơ sở đại học có đào tạo sinh viên ngành Giáo dục tiểu học tại các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đại học Tây Nguyên, Đại học Phú Yên, Đại học Đà Nẵng; 82 CBQL của các trường tiểu học ở các tỉnh thành: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Bình Dương, Nam Định. Thời gian khảo sát từ tháng 6-7/2024. Bảng hỏi được thiết kế theo thang phân bậc Likert gồm 5 bậc: 1 - Không phù hợp; 2 - Phù hợp một phần; 3 - Trung lập; 4 - Phù hợp phần lớn; 5 - Phù hợp. Kết quả khảo sát được đánh giá theo thang ĐTB: Từ 1-1,8: “Không phù hợp”; Từ 1,8-2,6: “Phù hợp một phần”; Từ 2,6-3,4: “Trung lập”; từ 3,4-4,2: “Phù hợp phần lớn”; từ 4,2-5: “Phù hợp”. Kết quả như sau:

Bảng 1. Thống kê ý kiến chuyên gia về sự phù hợp của các thành tố năng lực VDKT, KN đã học của HS trong DHTH

Thành tố	Mã thành tố	Mức độ đánh giá (tỉ lệ %)					ĐTB (Mean)	ĐLC (Std. Deviation)
		1	2	3	4	5		
Xác định vấn đề trong chủ đề tích hợp	TT 1	0	0	5,7	50,0	44,3	4,39	0,596
Phân tích và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	TT 2	0	0	10,2	53,4	36,4	4,26	0,634
Thực hiện giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	TT 3	0	0	3,4	46,6	50	4,47	0,566
Đánh giá kết quả và giải pháp giải quyết vấn đề; liên hệ vận dụng trong các tình huống có liên quan, nhận xét được cách xử lý trong từng tình huống	TT 4	0	0	5,7	48,9	45,5	4,40	0,598

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, ĐTB mức độ đánh giá của chuyên gia về các thành tố của năng lực VDKT, KN đã học dao động từ 4,26-4,47. Như vậy, các thành tố của năng lực VDKT, KN đã học được đề xuất trong khung đánh giá là phù hợp.

Bảng 2. Thống kê ý kiến chuyên gia về sự phù hợp của các chỉ số hành vi của năng lực VDKT, KN đã học của HS trong DHTH

Thành tố	Chỉ số hành vi	Mức độ đánh giá (tỉ lệ %)					ĐTB (Mean)	ĐLC (Std. Deviation)
		1	2	3	4	5		
TT 1	CSHV1	0	0	6,8	45,5	47,7	4,41	0,618
	CSHV2	0	0	5,7	42	52,3	4,48	0,606
	CSHV3	0	0	8	48,9	43,2	4,35	0,626
TT 2	CSHV4	0	0	11,4	50	38,6	4,27	0,656
	CSHV5	0	0	4,5	44,3	51,1	4,47	0,586
	CSHV6	0	0	8	46,6	45,5	4,38	0,631
TT 3	CSHV7	0	0	3,4	70,5	26,1	4,23	0,497

	CSHV8	0	0	9,1	69,3	21,6	4,13	0,543
	CSHV9	0	0	4,5	65,9	29,5	4,25	0,531
TT 4	CSHV10	0	0	4,5	75	20,5	4,23	0,473
	CSHV11	0	0	6,8	68,2	25	4,18	0,537
	CSHV12	0	0	13,6	68,2	18,2	4,05	0,565
	CSHV13	0	0	10,2	62,5	27,3	4,17	0,592

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, ĐTB mức độ đánh giá của chuyên gia về các chỉ số hành vi của năng lực VDKT, KN đã học dao động từ 4,05-4,48. Như vậy, chỉ số hành vi được đề xuất trong khung đánh giá là phù hợp phần lớn và phù hợp. Đồng thời, kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng phần mềm SPSS 26, giá trị của hệ số Cronbach's Alpha nhận được nằm trong khoảng 0,785-0,864 nên thang đo lường đảm bảo độ tin cậy (xem bảng 3).

Bảng 3. Hệ số tin cậy của thang đo

Item-Total Statistics				
	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
TT 1	13,25	2,259	0,812	0,785
TT 2	13,23	2,339	0,710	0,825
TT 3	13,32	2,403	0,617	0,864
TT 4	13,32	2,311	0,713	0,824
CSHV1	51,08	17,522	0,525	0,845
CSHV2	51,01	17,391	0,566	0,842
CSHV3	51,14	17,039	0,617	0,839
CSHV4	51,22	17,252	0,539	0,844
CSHV5	51,02	17,540	0,557	0,843
CSHV6	51,11	17,642	0,487	0,848
CSHV7	51,26	17,713	0,637	0,839
CSHV8	51,36	18,510	0,389	0,853
CSHV9	51,24	17,609	0,613	0,840
CSHV10	51,33	18,844	0,374	0,853
CSHV11	51,33	18,614	0,364	0,855
CSHV12	51,44	18,112	0,455	0,849
CSHV13	51,32	17,369	0,589	0,841

Ngoài ra, phản hồi của các chuyên gia thông qua phỏng vấn sâu thu được: Các tiêu chí chất lượng cho từng chỉ số hành vi trong khung đánh giá là phù hợp, có sự mô tả rõ ràng, bám sát với các yêu cầu cần đạt của năng lực VDKT, KN đã học của HS tiểu học trong DHTH, tuy nhiên cần sửa đổi một số cách diễn đạt cho rõ ràng hơn như: điều chỉnh thuật ngữ “trình bày vấn đề” thành “mô tả được vấn đề”; thay đổi cụm từ “huy động” thành “xác định được kiến thức, kĩ năng”; điều chỉnh mức độ “chưa đạt” về “cần cố gắng” nhằm đảm bảo yêu cầu đánh giá phẩm chất, năng lực HS theo quy định của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD-ĐT (2020).

2.4. Khung đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học của học sinh tiểu học trong dạy học tích hợp

Trên cơ sở kết quả khảo sát ý kiến của chuyên gia, chúng tôi tiến hành chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện khung đánh giá năng lực VDKT, KN đã học của HS tiểu học trong DHTH như sau (xem bảng 4):

Bảng 4. Khung đánh giá năng lực VDKT, KN đã học của HS tiểu học trong DHTH

Thành tố năng lực	Chỉ số hành vi	Tiêu chí chất lượng/Các mức độ		
		1 (Cần cố gắng)	2 (Đạt)	3 (Tốt)
1. Xác định vấn đề trong chủ đề tích hợp	1. Nêu các đối tượng xuất hiện trong chủ đề tích hợp	Nêu được một số đối tượng xuất hiện trong chủ đề tích hợp nhưng chưa đầy đủ	Nêu được tương đối đầy đủ đối tượng xuất hiện trong chủ đề tích hợp	Nêu được đầy đủ đối tượng xuất hiện trong chủ đề tích hợp và xác định được mối quan hệ giữa các đối tượng
	2. Lập luận, giải thích làm sáng tỏ vấn đề trong chủ đề tích hợp	Chưa lập luận, giải thích một cách rõ ràng để làm sáng tỏ vấn đề trong chủ đề tích hợp	Lập luận, giải thích tương đối rõ ràng để làm sáng tỏ vấn đề trong chủ đề tích hợp	Lập luận, giải thích đầy đủ, rõ ràng để làm sáng tỏ vấn đề trong chủ đề tích hợp

Thành tố năng lực	Chỉ số hành vi	Tiêu chí chất lượng/Các mức độ		
		1 (Cần cố gắng)	2 (Đạt)	3 (Tốt)
	3. Mô tả vấn đề trong chủ đề tích hợp dưới dạng câu hỏi	Mô tả được vấn đề trong chủ đề tích hợp dưới dạng câu hỏi nhưng chưa phù hợp	Mô tả được vấn đề trong chủ đề tích hợp dưới dạng câu hỏi tương đối phù hợp	Mô tả được vấn đề trong chủ đề tích hợp dưới dạng câu hỏi phù hợp
2. Phân tích và đưa ra giải pháp giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	4. Thu thập thông tin và xác định kiến thức, kỹ năng có liên quan đến vấn đề trong chủ đề tích hợp	Thu thập thông tin chưa đầy đủ, chưa xác định được kiến thức, kỹ năng có liên quan đến vấn đề trong chủ đề tích hợp	Thu thập thông tin đầy đủ nhưng chưa đa dạng các nguồn khác nhau; xác định được tương đối đầy đủ kiến thức, kỹ năng có liên quan đến vấn đề trong chủ đề tích hợp	Thu thập thông tin đầy đủ, đa dạng các nguồn khác nhau; xác định được đầy đủ kiến thức, kỹ năng có liên quan đến vấn đề trong chủ đề tích hợp
	5. Phân tích mối quan hệ giữa kiến thức, kỹ năng đã có với vấn đề trong chủ đề tích hợp	Phân tích được rất ít mối quan hệ giữa kiến thức, kỹ năng đã có với vấn đề trong chủ đề tích hợp	Phân tích phần lớn mối quan hệ giữa kiến thức, kỹ năng đã có với vấn đề trong chủ đề tích hợp	Phân tích đầy đủ, chính xác mối quan hệ giữa kiến thức, kỹ năng đã có với vấn đề trong chủ đề tích hợp
	6. Đưa ra ý tưởng, giả thuyết giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Đưa ra ý tưởng, giả thuyết nhưng chưa phù hợp để giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Đưa ra được một số ý tưởng, giả thuyết phù hợp để giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Đưa ra nhiều ý tưởng, giả thuyết phù hợp, sáng tạo để giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp
3. Thực hiện giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	7. Lựa chọn phương án giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Lựa chọn được phương án giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp nhưng chưa phù hợp	Lựa chọn được phương án phù hợp để giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Lựa chọn được phương án giải quyết vấn đề tối ưu trong chủ đề tích hợp
	8. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Chưa lập được kế hoạch hoặc lập được kế hoạch giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp nhưng chưa rõ ràng	Lập được kế hoạch giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp rõ ràng	Lập kế hoạch giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp rõ ràng, đầy đủ và dự kiến được kết quả
	9. Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Chưa thực hiện được kế hoạch giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Thực hiện được phần lớn theo kế hoạch giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Thực hiện đúng và đầy đủ kế hoạch giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp
4. Đánh giá kết quả và phương án giải quyết vấn đề; biết liên hệ trong các tình huống có liên quan và đưa ra hướng vận dụng mới; chia sẻ với người xung quanh cách xử lý trong từng tình huống	10. Nhận xét, đánh giá kết quả và phương án giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp	Nhận xét, đánh giá phương án giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp nhưng chưa chính xác, hợp lý	Nhận xét, đánh giá phương án giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp tương đối chính xác, hợp lý nhưng chưa biết cách điều chỉnh phương án giải quyết vấn đề	Nhận xét, đánh giá phương án giải quyết vấn đề trong chủ đề tích hợp chính xác, hợp lý; điều chỉnh được kết quả và phương án giải quyết vấn đề (nếu cần)
	11. Liên hệ, vận dụng được trong các tình huống có liên quan	Chưa liên hệ, vận dụng được trong các tình huống có liên quan	Liên hệ, vận dụng được trong các tình huống có liên quan ở mức độ đơn giản	Liên hệ, vận dụng một cách linh hoạt trong nhiều tình huống có liên quan
	12. Đưa ra hướng vận dụng mới dựa trên vấn đề đã giải quyết	Chưa đưa ra được hướng vận dụng mới	Đưa ra được hướng vận dụng mới dựa trên vấn đề	Đưa ra hướng vận dụng mới dựa trên vấn đề

Thành tố năng lực	Chỉ số hành vi	Tiêu chí chất lượng/Các mức độ		
		1 (Cần cố gắng)	2 (Đạt)	3 (Tốt)
		dựa trên vấn đề đã giải quyết	đề đã giải quyết nhưng chưa đầy đủ, hợp lí	đề đã giải quyết đầy đủ, hợp lí
	13. Chia sẻ, trao đổi với người xung quanh cách xử lí trong từng tình huống	Chưa tích cực, tự giác chia sẻ, trao đổi với người xung quanh trong từng tình huống	Tích cực, tự giác chia sẻ, trao đổi với người xung quanh về cách xử lí trong từng tình huống nhưng chưa hiệu quả	Tích cực, tự giác, có phương pháp hiệu quả để chia sẻ, trao đổi với người xung quanh về cách xử lí trong từng tình huống

3. Kết luận

DHTH là một trong những giải pháp góp phần giải quyết mâu thuẫn giữa khối lượng tri thức lớn cần được đưa vào dạy học với thời lượng có hạn ở trên lớp, đồng thời giúp HS huy động tổng hợp các kiến thức, kĩ năng đã học từ nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Bài báo đưa ra khung đánh giá năng lực VDKT, KN đã học của HS tiểu học trong DHTH dựa trên các nghiên cứu về đánh giá năng lực người học và yêu cầu cần đạt của năng lực VDKT, KN đã được xác định. Khung đánh giá đã được kiểm nghiệm tính phù hợp và độ tin cậy bằng phương pháp xin ý kiến chuyên gia và thống kê toán học. GV cần có kế hoạch và sự linh hoạt khi vận dụng khung đánh giá này trong DHTH tùy thuộc vào nội dung và đối tượng người học. Trong những tình huống dạy học với dụng ý sự phạm khác nhau, GV có thể thiết kế các khung đánh giá năng lực sao cho phù hợp. Đồng thời, nghiên cứu có thể được mở rộng ở các giai đoạn học tập sau với các mô hình dạy học khác nhau, góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy học và giáo dục trong các nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2020). *Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
- Bransford, J. D., Brown, A. L., & Cocking, R. R. (2000). *How people learn*. Washington, DC: National Academy Press.
- Đỗ Hương Trà, Nguyễn Văn Biên, Trần Khánh Ngọc (2015). *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh* (tập 1, 2). NXB Đại học Sư phạm.
- Hoàng Thị Ngà, Phạm Thị Ánh Hồng, Nguyễn Thị Minh Huệ, Phạm Thanh Huyền (2024). Thiết kế chủ đề tích hợp nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng cho học sinh đầu cấp tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, 24(3), 7-12.
- Nguyễn Thị Lan Phương (chủ biên, 2016). *Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Phạm Thị Hồng Tú, Hà Thanh Hương (2021). Sử dụng bài tập tình huống nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng cho học sinh trong dạy học môn Khoa học tự nhiên. *Tạp chí Giáo dục*, 500, 11-15.
- Roegiers, X. (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường* (người dịch: Đào Trọng Nguyên, Nguyễn Ngọc Nhị). NXB Giáo dục.
- Trần Thị Thanh Thủy (chủ biên), Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Mạnh Hường, Bùi Xuân Anh, Lưu Thị Thu Hà (2016). *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh* (Quyển 2). NXB Đại học Sư phạm.